

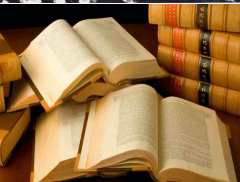
CHƯƠNG 7

HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM



LÊ HOÀI NAM

NỘI DUNG



7.1. Giới thiệu về hệ thống pháp luật

7.2. Căn cứ phân chia các ngành luật trong hệ thống pháp luật

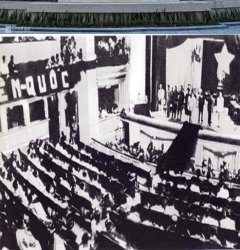
7.3. Giới thiệu một số ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật



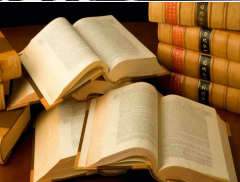
7.1. Giới thiệu chung về hệ thống pháp luật VN



Nhận diện 2 khái niệm sau và rút ra điểm khác nhau:



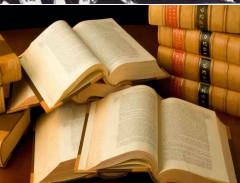
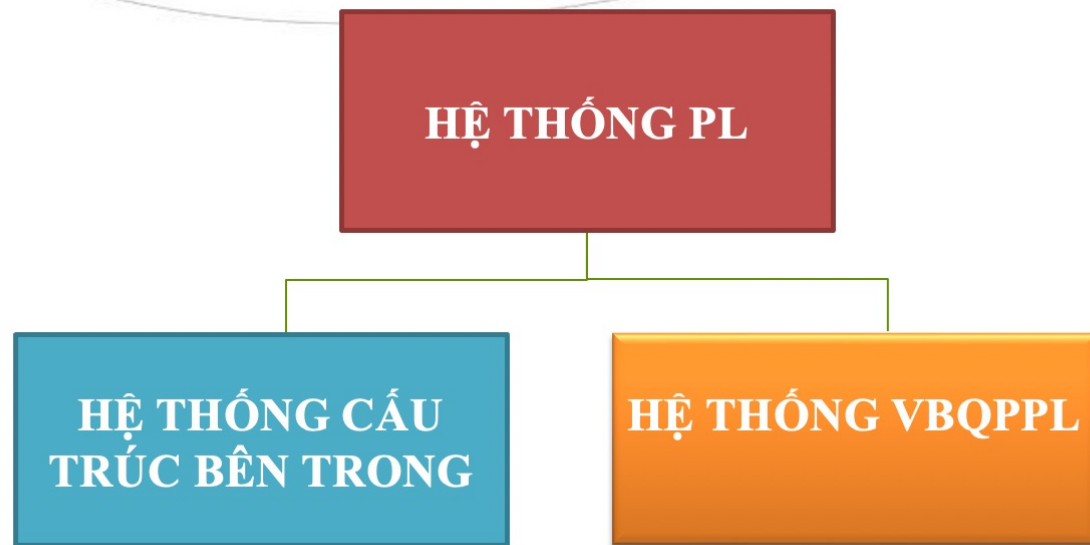
1. Hệ thống pháp luật là *tổng thể các quy phạm pháp luật có mối liên hệ nội tại thống nhất* với nhau, được phân thành các *chế định pháp luật*, các *ngành luật* và được thể hiện trong các *văn bản quy phạm pháp luật* do Nhà nước ban hành.



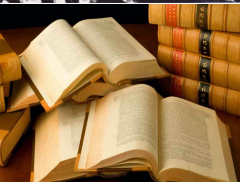
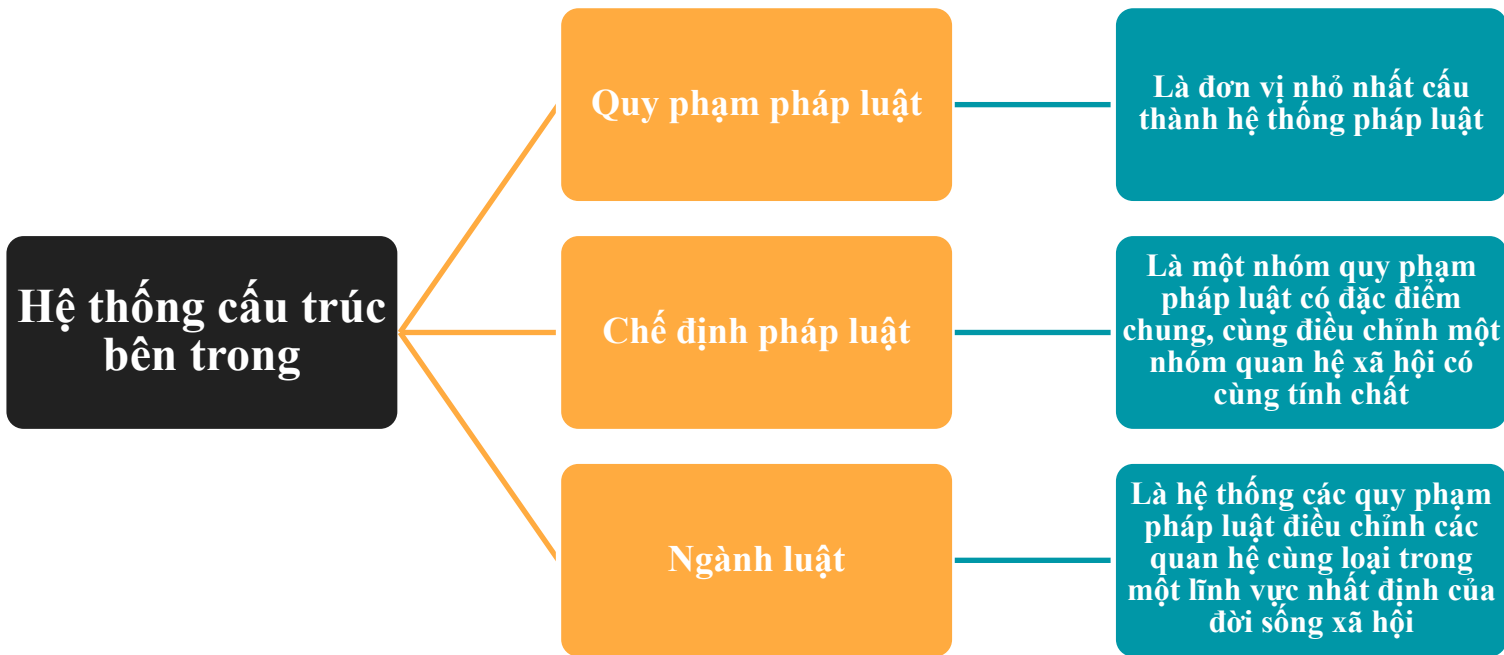
2. Hệ thống pháp luật là *cấu trúc bên trong* của pháp luật, bao gồm *tổng thể các quy phạm pháp luật có mối liên hệ nội tại và thống nhất* với nhau được phân thành *các chế định pháp luật*, *các ngành luật* và được quy định bởi tính chất, cơ cấu các quan hệ xã hội mà nó điều chỉnh.



7.1. Giới thiệu chung về hệ thống pháp luật VN



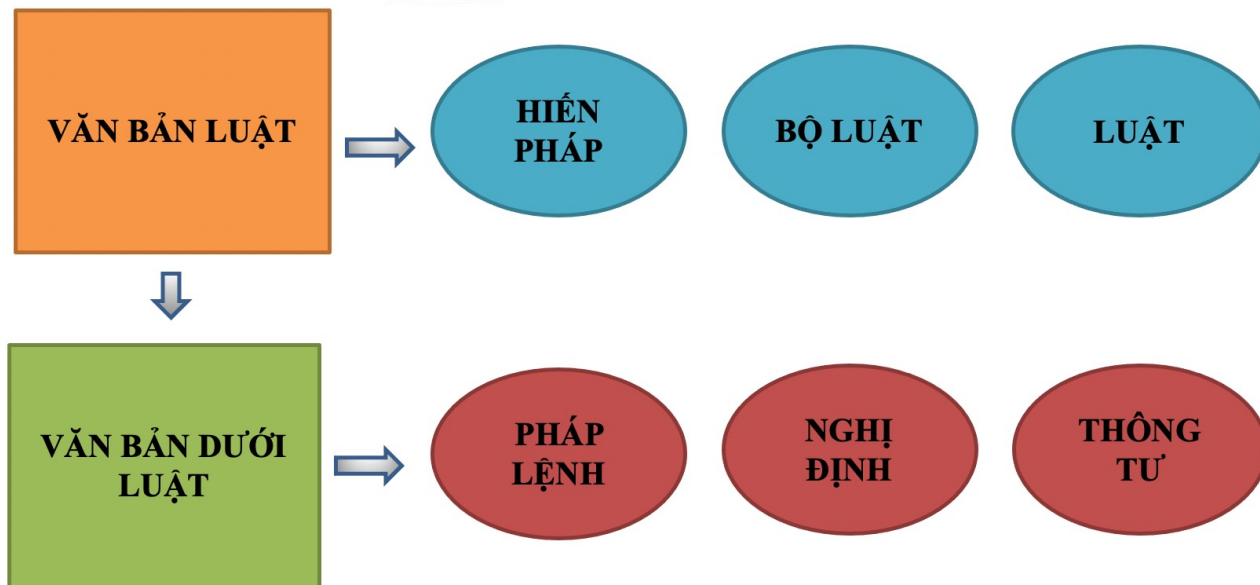
7.1. Giới thiệu chung về hệ thống pháp luật VN



7.1. Giới thiệu chung về hệ thống pháp luật VN

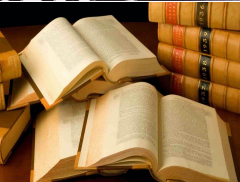


Hệ thống VBQPPL: Là tổng thể các *văn bản quy phạm pháp luật* có mối liên hệ chặt chẽ về nội dung và hiệu lực pháp lý.





7.2. Căn cứ phân chia ngành luật trong hệ thống



- *Căn cứ vào đối tượng điều chỉnh:* Là những QHXX cùng loại, thuộc một lĩnh vực của đời sống xã hội cần có sự điều chỉnh bằng pháp luật. Mỗi ngành luật sẽ điều chỉnh một loại QHXX đặc thù.
- *Căn cứ vào phương pháp điều chỉnh:* Là cách thức tác động vào QHXX thuộc phạm vi điều chỉnh của ngành luật đó. Mỗi ngành luật cũng có phương pháp điều chỉnh đặc thù.

7.3. Một số ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật



Luật Hiến pháp

Luật Hành chính

Luật Hình sự

Luật Tổ tụng Hình sự

Luật Đất đai

Luật Tài chính

Luật Ngân hàng

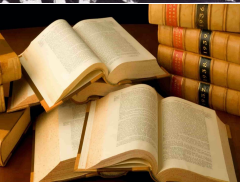
Luật Dân sự

Luật Tổ tụng Dân sự

Luật Hôn nhân & Gia đình

Luật Lao động

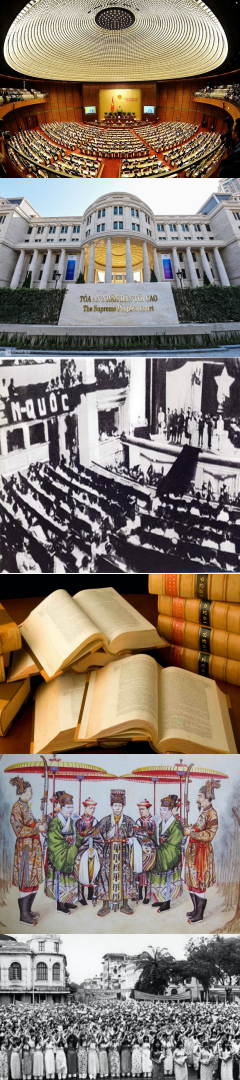
Luật Kinh tế



7.3.1. Giới thiệu về ngành luật dân sự



Luật dân sự là tập hợp các quy định về địa vị pháp lý, chuẩn mực pháp lý cho cách ứng xử của cá nhân, pháp nhân; quyền và nghĩa vụ của cá nhân, pháp nhân trong các quan hệ nhân thân và tài sản được hình thành trên cơ sở bình đẳng, tự do ý chí, độc lập về tài sản và tự chịu trách nhiệm.



7.3.1. Giới thiệu về ngành luật dân sự



Đối tượng điều chỉnh: Quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản.

- Quan hệ tài sản: là quan hệ giữa chủ thể này với chủ thể khác liên quan đến tài sản.
- Quan hệ nhân thân: là những quan hệ phát sinh từ quyền dân sự gắn liền với mỗi cá nhân, mỗi pháp nhân, không thể chuyển giao cho người khác, trừ trường hợp được pháp luật quy định.



7.3.1. Giới thiệu về ngành luật dân sự



Phương pháp điều chỉnh: Phương pháp bình đẳng, thoả thuận; tự do định đoạt; tự chịu trách nhiệm của chủ thể, tôn trọng và đảm bảo tuyệt đối các quyền dân sự của chủ thể khác.

.

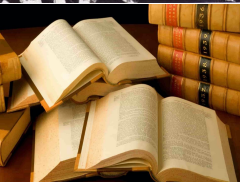


7.3.1. Giới thiệu về ngành luật dân sự



Một số chế định cơ bản:

- Chủ thể
- Giao dịch dân sự
- Thừa kế
- ...



7.3.1. Giới thiệu về ngành luật dân sự



Chủ thể quan hệ pháp luật dân sự bao gồm: Cá nhân, pháp nhân, cơ quan nhà nước.

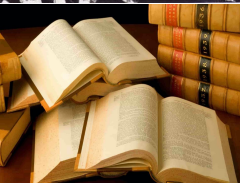
**) Lưu ý: Chủ thể là hộ gia đình, tổ hợp tác và tổ chức không có tư cách pháp nhân khác.*



7.3.1. Giới thiệu về ngành luật dân sự



Giao dịch dân sự: là hợp đồng hoặc hành vi pháp lý đơn phương làm phát sinh, thay đổi, hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự.

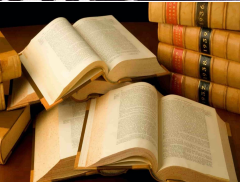


7.3.1. Giới thiệu về ngành luật dân sự



Thừa kế: là việc chuyển dịch tài sản của người đã chết cho người còn sống, tài sản để lại được gọi là di sản.

- Người thừa kế là cá nhân phải là người còn sống vào thời điểm mở thừa kế hoặc sinh ra và còn sống sau thời điểm mở thừa kế nhưng đã thành thai trước khi người để lại di sản chết. Nếu người thừa kế là tổ chức thì phải tồn tại vào thời điểm mở thừa kế.
- Di sản thừa kế là tài sản của người chết để lại, bao gồm tài sản riêng của người chết và tài sản chung trong khối tài sản chung với các đồng sở hữu khác.

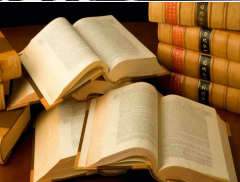


7.3.1. Giới thiệu về ngành luật dân sự



Nguyên tắc:

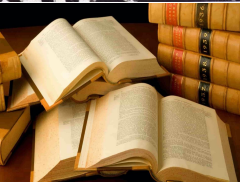
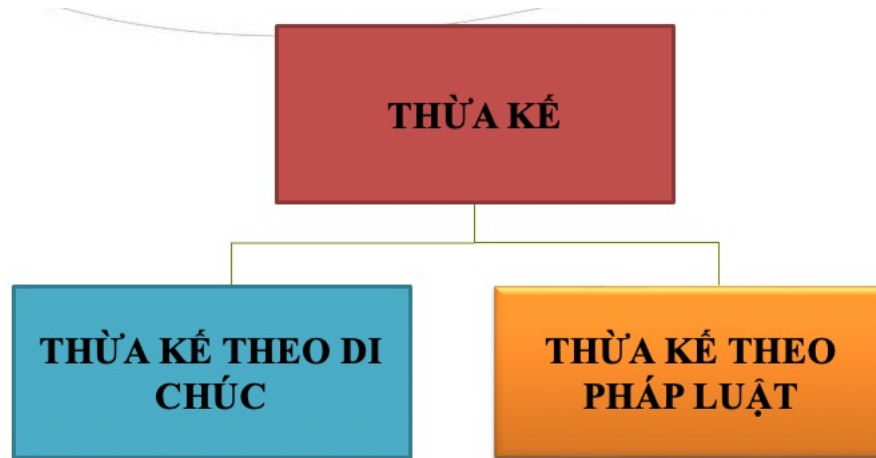
- Nhà nước bảo hộ về thừa kế;
- Mọi cá nhân đều bình đẳng về thừa kế;
- Tôn trọng quyền tự định đoạt của người để lại di sản nhưng vẫn bảo vệ thích đáng quyền lợi của một số người thừa kế đặc thù.



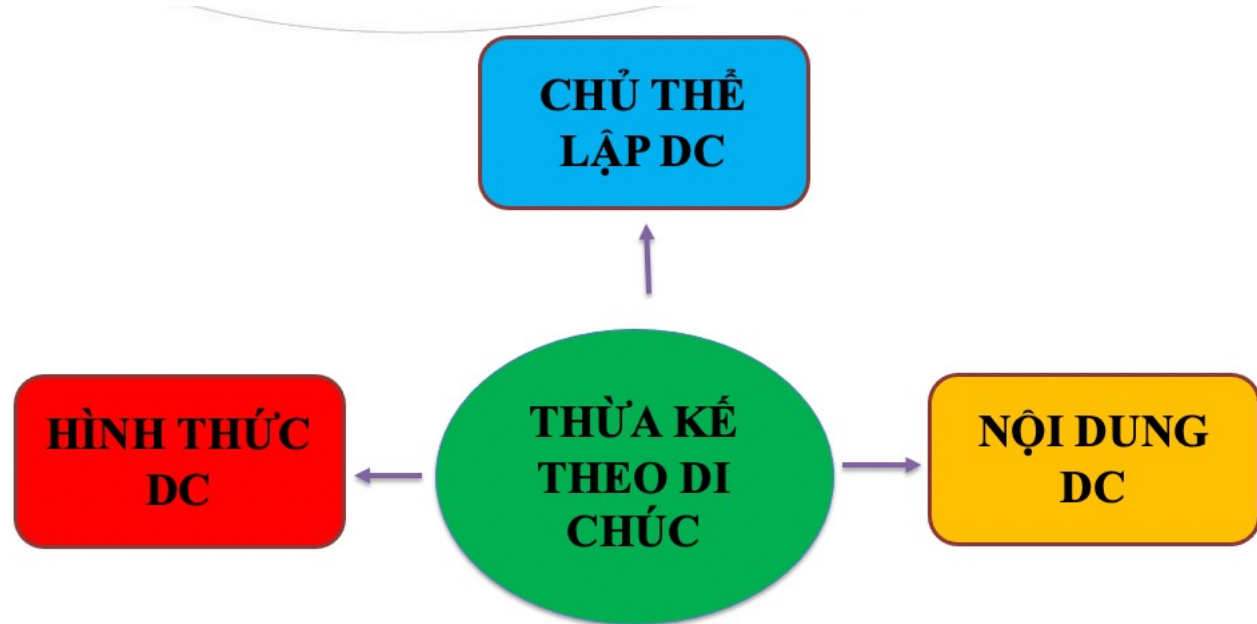
7.3.1. Giới thiệu về ngành luật dân sự



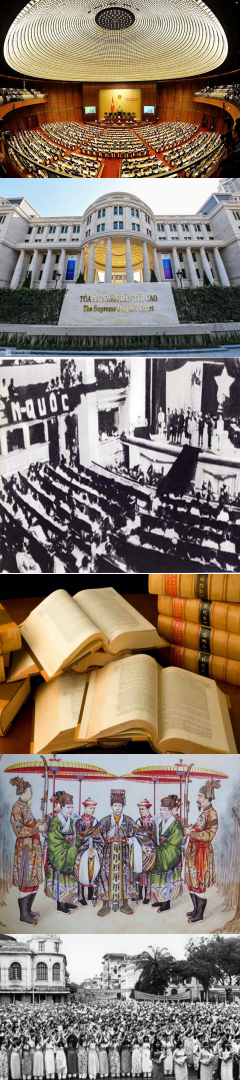
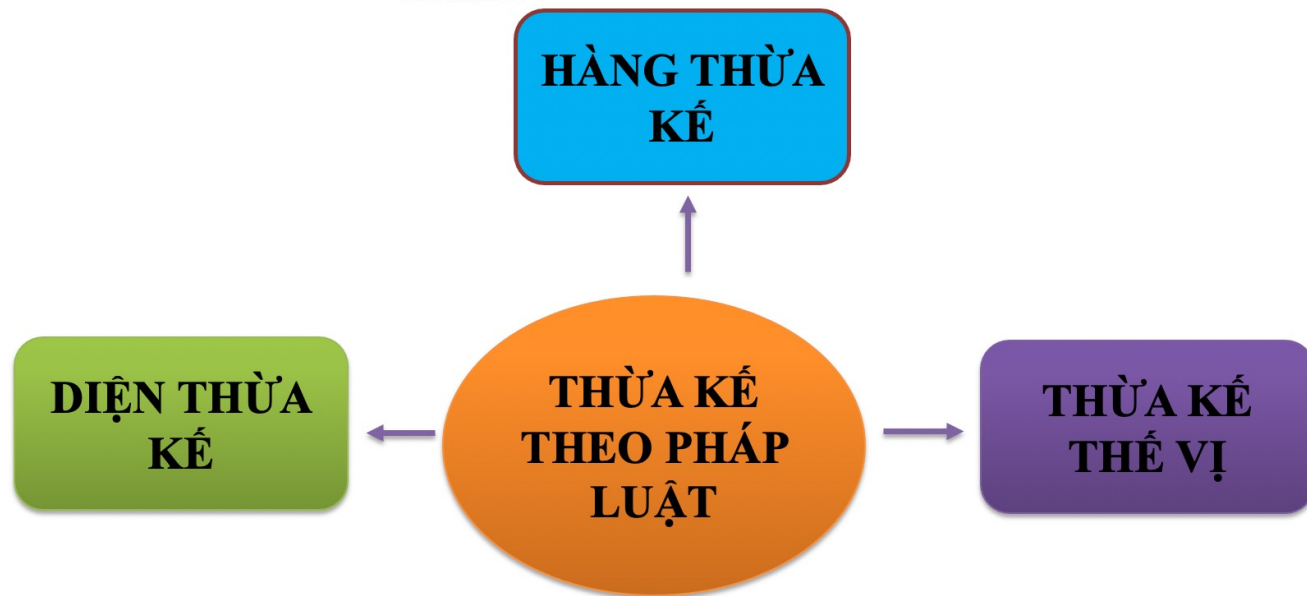
Thừa kế được chia thành:



7.3.1. Giới thiệu về ngành luật dân sự



7.3.1. Giới thiệu về ngành luật dân sự

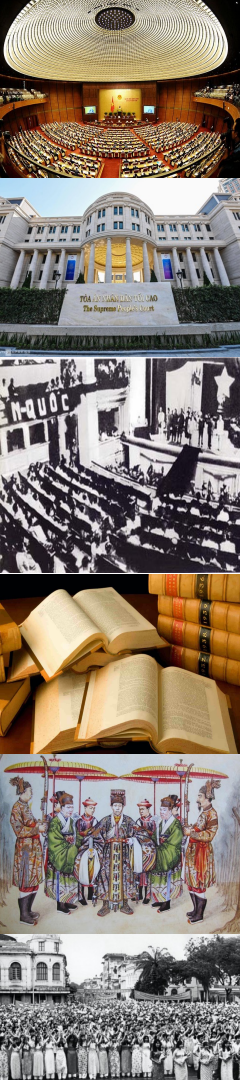


7.3.2. Giới thiệu về ngành luật hình sự



Khái niệm luật hình sự xuất hiện từ thời cổ đại và có những cách hiểu khác nhau:

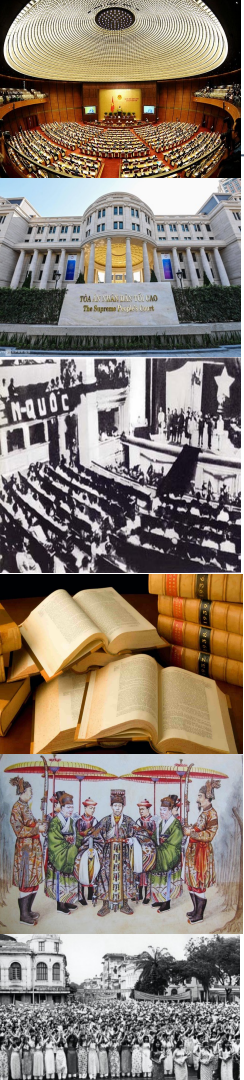
Tiếng Anh là “Criminal Law”, tiếng Pháp là “Droit Criminel” và tiếng Đức là “Criminalrecht”. Từ “criminal” xuất phát từ từ “crimen”, nghĩa là tội phạm hoặc sự kết án về một tội nào đó ➔ **Luật về hình phạt.**



7.3.2. Giới thiệu về ngành luật hình sự



Luật Hình sự là một ngành luật trong hệ thống pháp luật quy định tội phạm, xác định hình phạt với các tội phạm nhằm đấu tranh chống tội phạm, loại trừ mọi hành vi nguy hiểm cho xã hội.



7.3.2. Giới thiệu về ngành luật hình sự

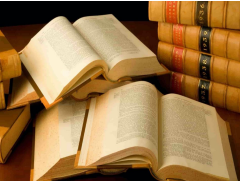
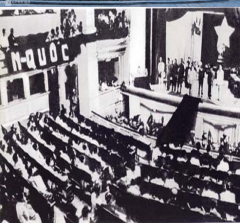


◆ Đối tượng điều chỉnh

Quan hệ xã hội phát sinh giữa NN và người phạm tội.

◆ Phương pháp điều chỉnh

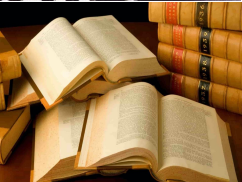
Phương pháp quyền uy, mệnh lệnh, phục tùng



7.3.2. Giới thiệu về ngành luật hình sự



- ◆ Chế định cơ bản
 - Chế định tội phạm.
 - Chế định hình phạt

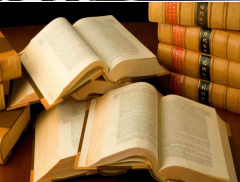


7.3.2. Giới thiệu về ngành luật hình sự



◆ Chế định tội phạm: (KHÁI NIỆM)

- ☛ Là hành vi nguy hiểm cho xã hội
- ☛ Được quy định trong BLHS
- ☛ Do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện
- ☛ Một cách cố ý hoặc vô ý
- ☛ Xâm phạm những vấn đề được PLHS bảo vệ.

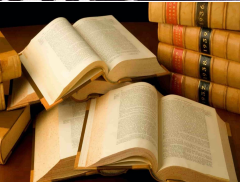


7.3.2. Giới thiệu về ngành luật hình sự



◆ Chế định tội phạm: (CÁC DẤU HIỆU CỦA TỘI PHẠM)

- ☞ Tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi
- ☞ Tính trái pháp luật hình sự
- ☞ Tính có lỗi của người thực hiện hành vi
- ☞ Tính phải chịu hình phạt.

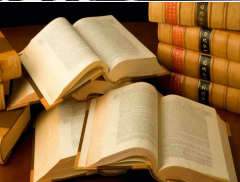


7.3.2. Giới thiệu về ngành luật hình sự



◆ Chế định tội phạm: (PHÂN LOẠI TỘI PHẠM)

- ☛ TP ít nghiêm trọng
- ☛ TP nghiêm trọng
- ☛ TP rất nghiêm trọng
- ☛ TP đặc biệt nghiêm trọng.

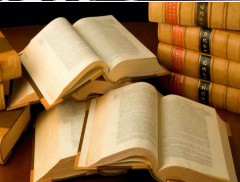


7.3.2. Giới thiệu về ngành luật hình sự



◆ Chế định hình phạt: (KHÁI NIỆM)

- Là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước
- Do Tòa án quyết định áp dụng đối với người hoặc pháp nhân thương mại phạm tội
- Tước bỏ hoặc hạn chế quyền, lợi ích của người, pháp nhân thương mại đó.



7.3.2. Giới thiệu về ngành luật hình sự



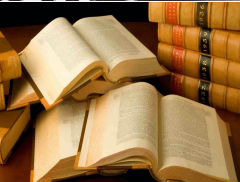
◆ Chế định hình phạt: (HÌNH PHẠT ĐỐI VỚI CÁ NHÂN)

◆ Hình phạt chính bao gồm:

- Cảnh cáo;
- Phạt tiền;
- Cải tạo không giam giữ;
- Trục xuất;
- Tù có thời hạn;
- Tù chung thân;
- Tử hình.

◆ Hình phạt bổ sung bao gồm:

- Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định;
- Cấm cư trú;
- Quản chế;
- Tước một số quyền công dân;
- Tịch thu tài sản;
- Phạt tiền, khi không áp dụng là hình phạt chính;
- Trục xuất, khi không áp dụng là hình phạt chính.



7.3.2. Giới thiệu về ngành luật hình sự



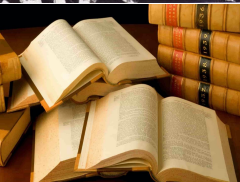
◆ Chế định hình phạt: (HÌNH PHẠT ĐỐI VỚI TỔ CHỨC)

◆ *Hình phạt chính:*

- Phạt tiền;
- Đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- Đình chỉ hoạt động vĩnh viễn.

◆ *Hình phạt bổ sung:*

- Cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định;
- Cấm huy động vốn;
- Phạt tiền, khi không áp dụng là hình phạt chính.





Cảm ơn đã theo dõi!